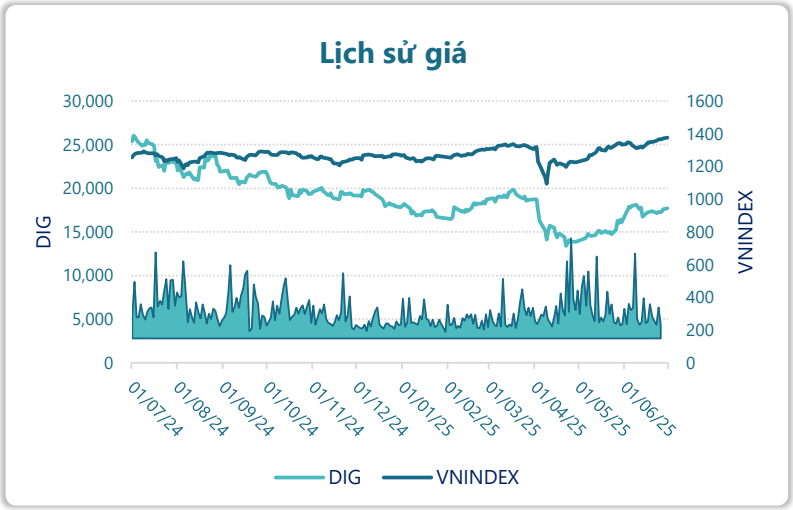
FireAnt

Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng (HSX: DIG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,038
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,396
SL cổ phiếu LH	646,431,191
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,705,585
% sở hữu nước ngoài	5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,442
P/E	90.0
EPS	197

DT thuần

Q2/25

272

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 119| 77.9%

YoY: ▼363| -57.1%

LN sau thuế

Q2/25

73.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 119| 262%

YoY: ▼51.5| -41.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

27.8%

+/- YoY: ▲ 3.6%

DT thuần

6T 2025

425

tỷ VNĐ

YoY: ▼210| -33.1%

LN sau thuế

6T 2025

28.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 24.2| 619%

ROE

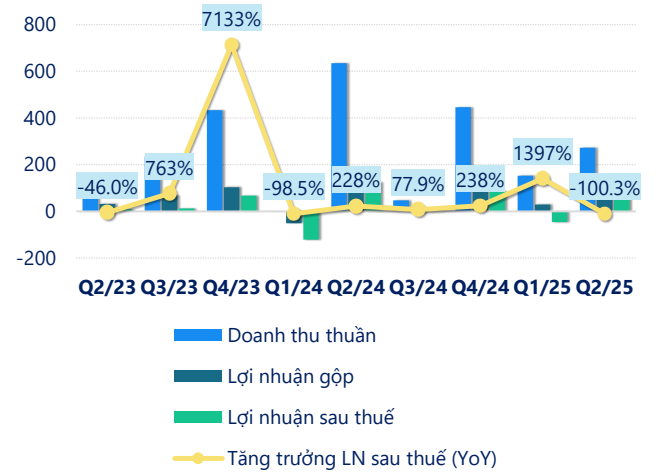
Q2/25

1.6%

+/- YoY: ▲ 0.4%

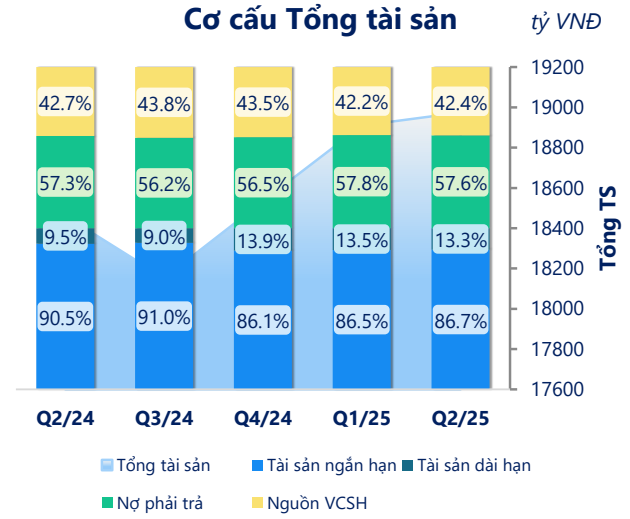
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



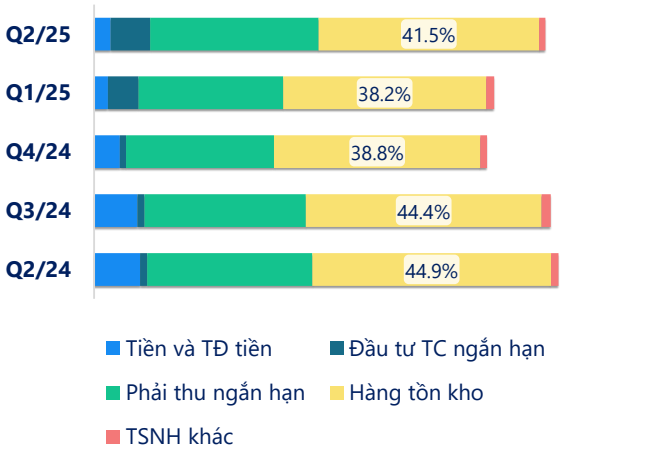
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



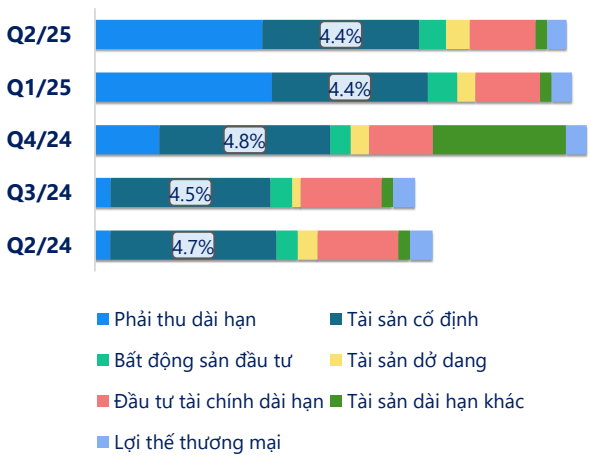
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



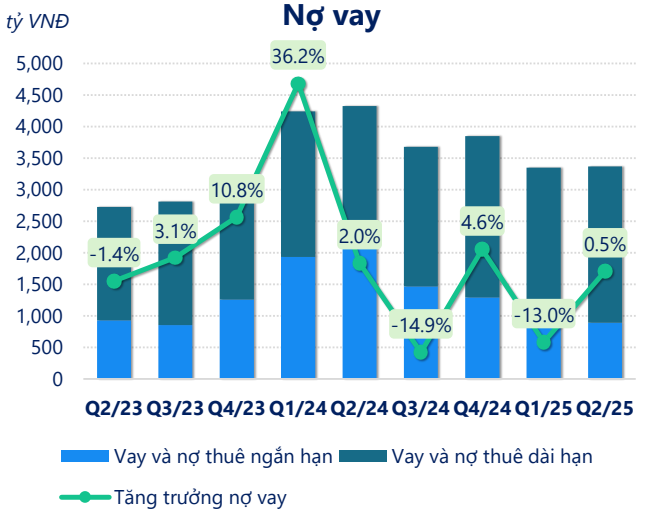
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



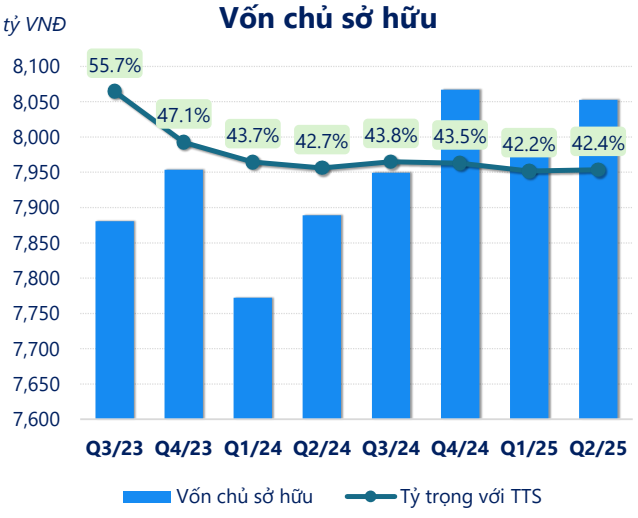
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



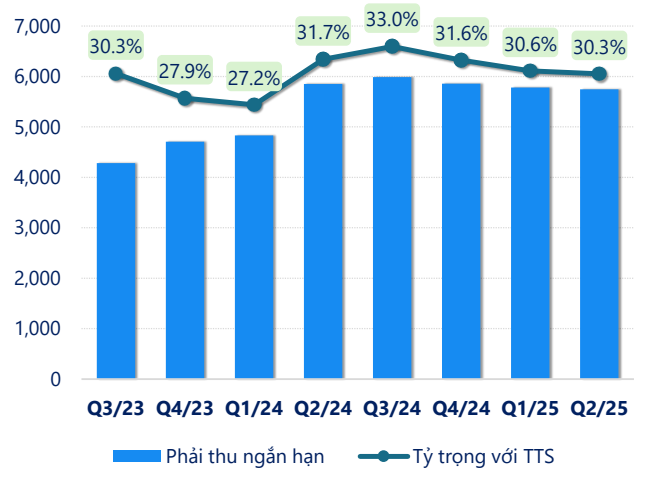
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



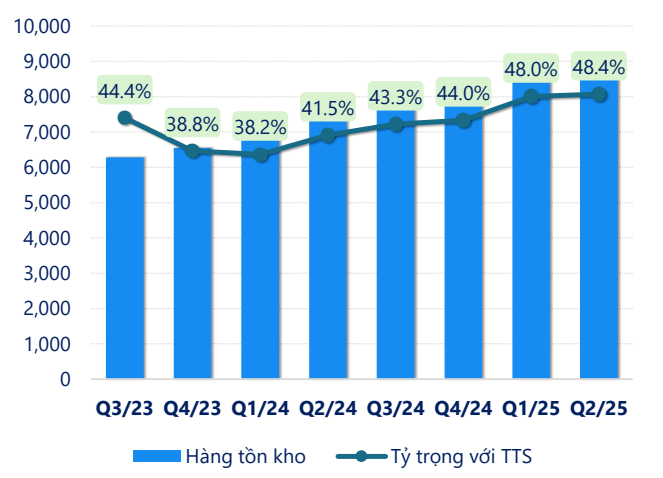
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



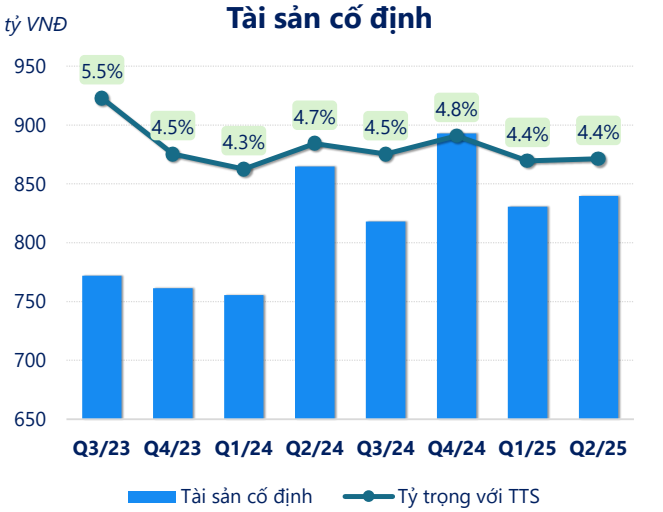
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



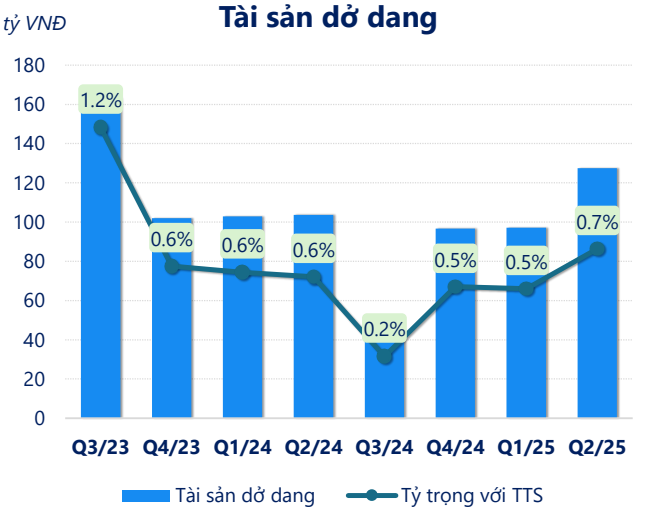
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



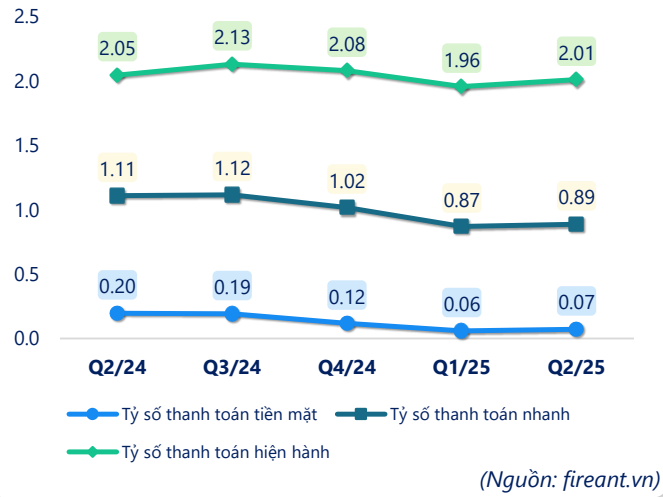
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



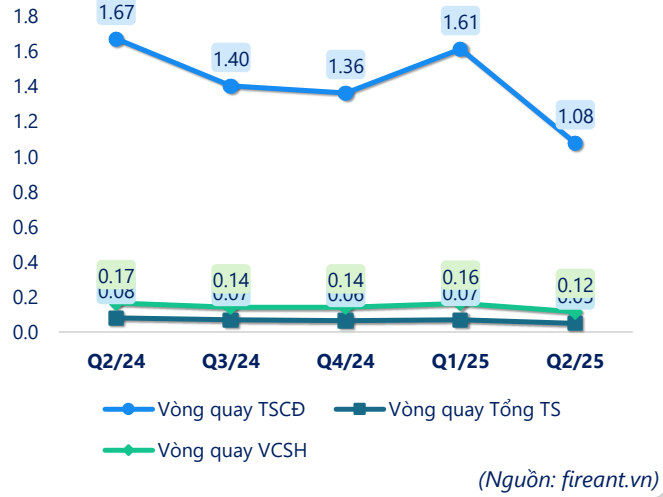
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**18,461**	**18,154**	**18,535**	**18,910**	**18,974**
Tài sản ngắn hạn	**16,702**	**16,514**	**15,963**	**16,365**	**16,450**
Tiền và tương đương tiền	1,600	1,479	895	495	586
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,375	972	786	781	667
Phải thu ngắn hạn	5,851	5,986	5,858	5,780	5,743
Hàng tồn kho	7,655	7,865	8,154	9,086	9,190
Tài sản ngắn hạn khác	221	213	270	224	265
Tài sản dài hạn	**1,759**	**1,640**	**2,572**	**2,545**	**2,524**
Phải thu dài hạn	80.0	80.1	337	945	896
Tài sản cố định	865	818	893	831	840
Bất động sản đầu tư	112	111	109	158	143
Tài sản dở dang	104	44.5	96.7	97.1	127
Đầu tư tài chính dài hạn	420	415	333	344	352
Tài sản dài hạn khác	61.0	57.4	695	63.2	62.7
Lợi thế thương mại	118	114	109	108	103
Nợ phải trả	**10,572**	**10,205**	**10,468**	**10,928**	**10,922**
Nợ ngắn hạn	**8,166**	**7,756**	**7,676**	**8,367**	**8,186**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,159	1,465	1,293	1,052	893
Phải trả người bán ngắn hạn	611	499	511	769	339
Nợ dài hạn	2,406	2,449	2,792	2,561	2,735
Vay và nợ thuê dài hạn	2,166	2,214	2,557	2,299	2,474
Nguồn vốn chủ sở hữu	**7,889**	**7,949**	**8,067**	**7,983**	**8,053**
Vốn chủ sở hữu	**7,889**	**7,949**	**8,067**	**7,983**	**8,053**
Vốn điều lệ	6,099	6,099	6,099	6,099	6,464
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)